

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2018.

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Thu Vân**

Bà **Lê Thị Huế**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Quốc Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Hoàng Minh N**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn R, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông **Thái Minh H**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 36 Sherwood Square NW Calgary, Alberta, Canada.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Minh N trình bày:***

Đầu năm 2013, bà và ông Thái Minh H quen biết nhau thông qua sự giới thiệu của người thân. Sau khi được sự đồng ý của hai bên gia đình, bà và ông Thái Minh H quyết định kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 276 ngày 31/3/2014.

Sau khi đăng ký kết hôn bà với ông H tổ chức đám cưới nhưng hai người quyết định không sống chung cho đến khi được cùng cư trú một nơi. Đồng thời, tại thời điểm đó bà bị bệnh Thủy đậu và sức khỏe không tốt nên hai người không sống chung với nhau. Khi ông H quay về Canada, khoảng thời gian đầu hai người vẫn thường xuyên liên lạc, nhưng thời gian sau khi bà đậu Đại học và ông H càng tập trung hơn vào công việc thì hai người bắt đầu có khoảng cách do sự khác biệt về thời gian, ông H viện cớ đi làm nên không liên lạc thường xuyên với bà nữa nên dẫn đến mâu thuẫn. Sau một thời gian ông H quyết định bảo lãnh bà sang Canada đoàn tụ, quá trình nộp hồ sơ và chuẩn bị đều do ông H tự làm không hỏi ý kiến của bà. Vì mâu thuẫn của hai quá nhiều và ông H không hiểu được vợ nên việc bảo lãnh không thành. Năm 2015 ông H cắt đứt mọi liên lạc và không trao đổi gì thêm. Đến cuối năm 2016 ông H không thông báo với bà việc ly hôn mà gửi yêu cầu ly hôn về cho bà thông qua một người bạn. Tuy nhiên do người bạn của ông H để quên giấy ở Canada nên đến năm 2018 bà mới nhận được.

Nay cả hai đã cắt đứt liên lạc với nhau, khả năng đoàn tụ không còn. Bà xin được ly hôn với ông Thái Minh H.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Ông Thái Minh H có Văn bản trình bày ý kiến về việc đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Hoàng Minh N và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Văn bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự nội dung như sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 31/03/2014 ông có đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Hoàng Minh N, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 276. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm. Nay ông đồng ý với yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Hoàng Minh N.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Vụ án xin ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS.

[2] Nguyên đơn xin ly hôn. Bị đơn đã có Bản tự khai và đề nghị xét xử vắng mặt. Văn bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự nên thuộc trường hợp xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Minh N xét thấy:

Bà Nguyễn Hoàng Minh N và ông Thái Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Nay bà N xin ly hôn. Ông Thái Minh H có Bản tự khai trình bày ý kiến về việc đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Hoàng Minh N. Văn bản đã được cơ quan có thẩm quyền hợp pháp hóa lãnh sự. Hiện hai người đều xác định, sau khi kết hôn, hai người thường xuyên liên lạc được một thời gian thì do cả hai đều quá tập trung vào công việc và sự nghiệp nên dần sao nhãng, không còn quan tâm đến nhau. Ông H đã tiến hành thủ tục bảo lãnh cho bà để đoàn tụ chung sống. Quá trình làm hồ sơ không có kết quả dẫn đến sao nhãng, dần dần phai nhạt và phát sinh mâu thuẫn. Nay cả hai đều khẳng định tình cảm không còn, cả hai không mong muốn đoàn tụ và xin được ly hôn. Khả năng hòa giải đoàn tụ giữa hai đương sự là không đạt được. Bà Nguyễn Hoàng Minh N xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Hoàng Minh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ các Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Xin ly hôn” của bà Nguyễn Hoàng Minh N.

Bà Nguyễn Hoàng Minh N được ly hôn ông Thái Minh H.

Về con chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Hoàng Minh N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Nguyễn Hoàng Minh N đã nộp theo biên lai thu số 001445 ngày 12/6/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào án phí bà Nguyễn Hoàng Minh N phải chịu. Bà Nguyễn Hoàng Minh N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Hoàng Minh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Thái Minh H được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

****Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hồng Tuyền